
Bản án số: 54/2021/HS-ST
Ngày: 24/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Đình Vinh

- Bà Bùi Thị Hoanh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thương

Tín - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2021/TLSTHS ngày 29 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị Mỹ L**, sinh ngày 04 tháng 5 năm 1987 tại Huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn A, xã N, Huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh ; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phước D (sinh năm 1963) và bà Nguyễn Thị X (sinh năm 1967); gia đình có 03 chị em, bị cáo là con đầu; có chồng nhưng đã ly hôn, bị cáo có 03 đứa con, con lớn sinh năm 2007; con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1990, có mặt

Địa chỉ: thôn L Thuận, xã N, Huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lê Phước D, sinh năm 1963, vắng mặt

Địa chỉ: thôn A, xã N, Huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

- **Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn T, sinh năm 1964,

Địa chỉ: thôn Đ, xã H, Huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

2. Bà Lê Tuyết N, sinh năm 1990,

Địa chỉ: Khu T, thị trấn A, Huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

3. Bà Lê Thị Bích H1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Khu P, thị trấn A, Huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

4. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn P1, xã A1, Huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

5. Ông R, sinh năm 1976, quốc tịch Cộng Hòa Séc
Địa chỉ: thôn P1, xã H, Huyện Đ, tỉnh Quảng Nam
Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 21/12/2020, Lê Thị Mỹ L cùng với chị Nguyễn Thị Thu H, Lê Tuyết Nh và một người tên Đ1 ngồi uống bia tại quán thuộc thôn Đ, xã H. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, cả nhóm rủ đi hát karaoke thì H nhờ L về nhà tại khu chuyên gia công ty G (thôn P1, xã H) để lấy điện thoại, sẵn tiện L lấy cái mền đang gửi nhà H thì L đồng ý. L điều khiển xe mô tô 92E1- 449.84 (*của cha L là Lê Phước D*) đến liên hệ bảo vệ của khu nhà H là ông Nguyễn T, khai báo họ tên, địa chỉ để ghi vào sổ theo dõi và mượn chìa khóa nhà H. Khi vào nhà H, L lấy điện thoại cho H thì nhìn thấy trên bàn trong phòng khách để một túi vải màu cam có dòng chữ “Fttleather CHUYÊN ĐỒ DA THẬT”, bên trong có tiền nên L trộm cắp số tiền 9.300.000 đồng (*chín triệu ba trăm nghìn đồng*) bỏ vào túi áo khoác loại phao màu vàng nhãn hiệu Adidas mà L đang mặc rồi đóng cửa nhà, trả lại chìa khóa khu bảo vệ và ra lại quán. Tại đây, L đưa điện thoại cho chị H và tiếp tục ngồi tại quán cùng với mọi người.

Thời điểm L thực hiện hành vi trộm cắp tại nhà chị H thì chị H mở điện thoại theo dõi camera được gắn trong nhà và phát hiện sự việc nên trình báo Công an xã H. Khi làm việc tại Công an xã H, L đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình tại nhà chị H và giao nộp số tiền 9.300.000 đồng trộm được. Tuy nhiên chị H cho rằng, số tiền L trộm cắp là 10.600.000 đồng (*mười triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Quá trình điều tra, Lê Thị Mỹ L thừa nhận, ngoài hành vi trộm cắp vào ngày 21/12/2020 thì trước đó lúc đến nhà chị H chơi, lợi dụng việc chị H sơ hở thì L còn nhiều lần trộm cắp tiền, vàng tại nhà của chị H như sau:

Lần thứ nhất: khoảng đầu tháng 8/2020, L trộm cắp 01 sợi dây chuyền có mặt hình trái tim bằng vàng 18K trọng lượng 03 chỉ và 01 chiếc hoa tai hình hoa mai bằng vàng 24K trọng lượng 0,5 chỉ được chị H cất giữ trong hộp đựng có nắp màu trắng hình lục giác bằng kim loại để tại ngăn kéo bàn trang điểm đặt trong phòng ngủ của H. Sau khi trộm cắp được, L mang số vàng trên bán tại tiệm vàng S tại thị trấn A rồi tiêu xài hết số tiền này. Ngày 16/8/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Huyện Đ có Kết luận số 30/KL-HĐĐGTS về tổng giá trị của những tài sản nêu trên là 13.500.000 đồng (*mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Chị H khai báo bị mất số vàng vào thời gian, địa điểm như lời L khai nhận.

Lần thứ hai: ngày 21/10/2020, L trộm cắp 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) trong số tiền 20.000.000 đồng để trong túi xách màu nâu của chị H đặt tại ghế sofa phòng khách. Đây là tiền anh Trương Đồng (trú H) gửi trả chị H, có mặt L đi cùng. Chị H khai báo bị mất số tiền vào thời gian, địa điểm như lời khai của L.

Lần thứ ba: khoảng cuối tháng 10/2020, L trộm cắp 01 sợi dây chuyền có mặt hình hoa mai bằng vàng 24K trọng lượng 03 chỉ, 01 chiếc bông tai hình tròn bằng vàng 18K trọng lượng 0,25 chỉ, 01 chiếc bông tai (*đeo sát tai*) bằng vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ. Số vàng này được H cất trong hộp đựng có nắp màu trắng hình lục giác bằng kim loại trong ngăn kéo bàn trang điểm tại phòng ngủ (*như lần trộm cắp đầu tháng 8/2020*). L đem số vàng bán tại tiệm vàng Sương Bích Nga và dùng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 22/6/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Huyện Đ có kết luận về tổng giá trị của những tài sản nêu trên là 19.550.000 đồng (*mười chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

Quá trình điều tra vụ án, chị H khai lần này ngoài số tài sản trộm cắp L thừa nhận trên thì chị còn bị mất thêm 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ, tuy nhiên qua đấu tranh, đối chất với chị H thì L không thừa nhận trộm cắp nhẫn vàng này. Vì vậy không có cơ sở quy kết L trộm cắp nhẫn vàng như chị H khai.

Lần thứ tư: khoảng giữa tháng 12/2020, L trộm cắp 01 phong bì của chị H để trong kệ của tủ gỗ tầng trệt. Khi mở phong bì L thấy bên trong có 23.000.000 đồng (*hai mươi ba triệu đồng*), trên đường đi về nhà thì L đã làm rơi mất số tiền này.

Đối với lần trộm cắp này, chị H khai báo bị mất 01 phong bì tại vị trí, địa điểm như L khai nhận, nhưng số tiền bị mất là 43.000.000 đồng (*bốn mươi ba triệu đồng*). Qua điều tra, sau khi mất số tiền này chị H không làm đơn báo cáo cơ quan chức năng, quá trình đối chất L không thừa nhận trộm cắp số tiền 43.000.000 đồng nên không đủ cơ sở xác định số tiền L trộm cắp là 43.000.000 đồng.

Lần thứ năm: ngày 19/12/2020, khi đến nhà chị H để đón con chị H thì L trộm cắp số tiền 1.200.000 đồng (*một triệu hai trăm nghìn đồng*) H để trong ví để trên bàn. Chị H khai báo bị mất số tiền vào thời gian, địa điểm như lời khai của L.

Đối với lần trộm cắp ngày 19/12/2020, Lê Thị Mỹ L trộm cắp tài sản có giá trị 1.200.000 đồng, tuy dưới 2.000.000 đồng nhưng xét thấy hành vi trộm cắp của L là liên tiếp, cùng một địa điểm tại nhà của chị Nguyễn Thị Thu H nên buộc L phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền này.

Quá trình điều tra và tại tòa, bị cáo Lê Thị Mỹ L đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, tỏ ra ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về phần dân sự bị cáo đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

* Ngoài 06 lần trộm cắp như đã nêu trên, Lê Thị Mỹ L còn tự nguyện khai nhận có 03 (ba) lần trộm cắp tiền của chị H tại nhà của chị H nhưng L không nhớ rõ thời gian cụ thể gồm: 01 lần trộm cắp 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*); 01 lần trộm cắp 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*); 01 lần trộm cắp 1.400.000 đồng (*một triệu bốn trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên, đối với những lần này, chị H không khai báo và không rõ có sự việc bị trộm cắp hay không vì không thường xuyên kiểm tra tiền. Vì vậy không có cơ sở xử lý những lần trộm cắp này của L.

*** Vật chứng của vụ án:**

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu VISON màu đỏ, biển số 92E1-449.84 do ông Lê Phước D (cha ruột L) là chủ sở hữu. Cơ quan CSĐT Công an Huyện Đ trả lại cho ông Dũng.

- Số tiền 9.300.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam thu giữ của Lê Thị Mỹ L, Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an Huyện Đ đã trả cho chị Nguyễn Thị Thu H.

- 01 (một) túi xách vải màu cam có dòng chữ “Fttleather CHUYÊN ĐỒ DA THẬT” và 01 (một) áo khoác màu vàng loại phao nhãn hiệu Adidas, đã được niêm phong, hiện do Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Đ quản lý.

- 01 USB do chị H giao nộp, được niêm phong lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 28/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ truy tố bị cáo Lê Thị Mỹ L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ, tỉnh Quảng Nam giữ nguyên quan điểm truy tố đồng thời đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo L từ 24 (*Hai mươi bốn*) đến 30 (*Ba mươi*) tháng tù. Về dân sự đề nghị buộc bị cáo Lê Thị Mỹ L tiếp tục bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 58.550.000 đồng (*Năm mươi tám triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*).

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị Thu H khai: ngoài việc khai báo 06 lần bị trộm cắp nêu trên, chị H còn bị trộm cắp tiền, vàng vào thời gian trước ngày 21/12/2020, cụ thể như sau: khoảng thời gian ngày 24/3/2020 đến ngày 31/3/2020, chị H bị trộm cắp số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) trong số 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*) cất trong ngăn tủ nhựa tại phòng ngủ; khoảng tháng 5/2020, chị H bị trộm cắp 01 lách vàng 18K trọng lượng 01 chỉ và 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ, số vàng này được để trong phòng tắm. Tuy nhiên qua đấu tranh Lê Thị Mỹ L không thừa nhận hành vi trộm cắp những lần này.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, chị Nguyễn Thị Thu H và ông R (là chồng của chị Nguyễn Thị Thu H) thống nhất khẳng định tài sản của chị H bị L trộm cắp tại nhà là tài sản riêng của chị H. Ông R không có ý kiến gì về tài sản của chị H bị L trộm cắp và cũng không có ý kiến gì về hành vi của L.

Tại hồ sơ vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan, người làm chứng khai phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:*

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình mà đã được Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phổ biến về quyền, nghĩa vụ của mình trong từng giai đoạn tố tụng và tự khai báo về hành vi phạm tội của mình và không có khiếu nại gì. Hội đồng xét xử xác định hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. *Về tội danh và khung hình phạt:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Thị Mỹ L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định được: Từ tháng 8/2020 ngày 21/12/2020, tại nhà chị H thuộc thôn Phú Đông, xã H, Huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, lợi dụng lòng tin trong quan hệ bạn bè và sơ hở trong quản lý của chị H, bị cáo Lê Thị Mỹ L đã 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm tiền, vàng nữ trang của chị H. Trong đó có 05 lần chiếm đoạt từ đủ 2.000.000 đồng trở lên.

Riêng đối với lần trộm cắp ngày 19/12/2020, số tiền chiếm đoạt là 1.200.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa L thừa nhận từ đầu tháng 12/2020 L nhiều lần, liên tục thực hiện cùng loại hành vi trộm cắp tại nhà chị H, mỗi lần chỉ trộm một phần tài sản tìm được để tránh bị phát hiện nên buộc L phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền này. Như vậy tổng giá trị tài sản chiếm đoạt xác định là 68.550.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*).

Qua xác minh, trong thời gian L thực hiện hành vi trộm cắp thì L làm nhân viên bán hàng cho cửa hàng quần áo Hà Ngô tại chợ Ái Nghĩa do bà Lê Thị Bích Hà làm chủ, mỗi tháng L nhận tiền lương khoảng 4.500.000 đồng. Vì vậy, hành vi trộm cắp tài sản của L không đủ căn cứ áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Thị Mỹ L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] *Về tính chất, mức độ của hành vi, hậu quả do bị cáo gây ra thì thấy:*

Bị cáo Lê Thị Mỹ L là người trưởng thành, có hiểu biết pháp luật nhưng với động cơ vụ lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác mà không phải bỏ công sức lao động, bị cáo đã lợi dụng lòng tin và sự sơ hở trong quản lý tài sản của chị Nguyễn Thị Thu H, nhiều lần L tục lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tiền, vàng của chị H, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của chị H và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn Huyện Đ, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Bị cáo biết rõ nhà của chị hiện nằm trong khu vực được Công ty G bố trí bảo vệ an ninh, quản lý ra vào chặt chẽ nhưng vẫn thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần, liên tục, thể hiện tính liều lĩnh, bất chấp pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó cần phải xử phạt bị cáo một cách nghiêm minh bằng cách áp dụng hình phạt tù nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và ngăn ngừa tội phạm.

[2.3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo Lê Thị Mỹ L có 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó có 05 lần cấu thành tội phạm nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nhận tội, tự thú khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã bồi thường cho chị H số tiền 10.000.000 đồng nhằm khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thu H thừa nhận đã lơ lửng, sơ sài trong việc quản lý tài sản tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, hiện là lao động chính đang trực tiếp nuôi 03 con nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] *Về trách nhiệm dân sự:* Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị Thu H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền giá trị tài sản chiếm đoạt còn lại là 58.550.000 đồng (*Năm mươi tám triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*). Bị cáo L đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu bồi thường của chị H là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[4] *Về vật chứng:*

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu VISON màu đỏ, biển số 92E1-449.84: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Đ trả lại cho chủ sở hữu ông Lê Phước D là phù hợp.

- Số tiền 9.300.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an Huyện Đ đã trả cho chị Nguyễn Thị Thu H là phù hợp.

- 01 (một) túi xách vải màu cam có dòng chữ “Fttleather CHUYỀN ĐỒ DA THẬT” và 01 (một) áo khoác màu vàng loại phao nhãn hiệu Adidas, đã được niêm phong, hiện do Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Đ quản lý, Hội đồng xét xử xét thấy nên trả lại cho chủ sở hữu theo quy định pháp luật.

[5] Về các vấn đề khác trong vụ án:

Đối với lời khai của Lê Thị Mỹ L về 03 (ba) lần trộm cắp tiền của chị H tại nhà của chị H nhưng L không nhớ rõ thời gian cụ thể gồm: 01 lần trộm cắp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); 01 lần trộm cắp 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng); 01 lần trộm cắp 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng), do chị H không khai báo và không rõ có sự việc bị trộm cắp hay không vì không thường xuyên kiểm tra tiền. Vì vậy không có cơ sở xử lý những lần trộm cắp này của L.

Đối với lời khai của chị Nguyễn Thị Thu H về lần bị mất trộm số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) (cất trong ngăn tủ nhựa tại phòng ngủ trong khoảng thời gian ngày 24/3/2020 đến ngày 31/3/2020) và lần mất 01 lách vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ (được để trong phòng tắm khoảng tháng 5/2020). Tuy nhiên qua đấu tranh Lê Thị Mỹ L không thừa nhận hành vi trộm cắp những lần này nên tách ra xử lý sau là phù hợp.

Ông R (là chồng của chị Nguyễn Thị Thu H) khẳng định tài sản của chị H bị L trộm cắp tại nhà là tài sản riêng của chị H và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án Lê Phước D sở hữu xe mô tô 92E1 449.84 nhưng không biết L sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an Huyện Đ không đề cập xử lý là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.928.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Tuyên bố:** Bị cáo Lê Thị Mỹ L phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”
- **Áp dụng:** Điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015
- **Xử phạt:** Bị cáo Lê Thị Mỹ L 02 (Hai) năm tù.
Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.
- **Về dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015, các Điều 584, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015: Buộc bị cáo Lê Thị Mỹ L chịu trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu H tổng giá trị tài sản trộm cắp là 68.550.000 đồng (Sáu mươi tám triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng), đã bồi thường 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), còn lại phải bồi thường là 58.550.000 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Thời hạn bồi thường: tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo Lê Thị Mỹ L còn phải chịu khoản tiền lãi tính trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm.

- Về vật chứng vụ án: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả cho chị Nguyễn Thị Thu H 01 (một) túi xách vải màu cam có dòng chữ “Fttleather CHUYÊN ĐỒ DA THẬT”, đã được niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thị Thu H.

+ Trả cho bị cáo Lê Thị Mỹ L 01 (một) áo khoác màu vàng loại phao nhãn hiệu Adidas, đã được niêm phong có chữ ký của Lê Thị Mỹ L.

Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Đ quản lý

- Về án phí: Buộc bị cáo Lê Thị Mỹ L phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.928.000 đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam
- VKSND H. Đại Lộc
- Công an H. Đại Lộc
- Bị cáo, bị hại, người liên quan
- Chi cục THADS H.Đại Lộc
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Linh

